TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:120/2023/HNGĐ-ST Ngày 25-4-2023 V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị N và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm Đ, xã G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm A, xã B, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

(chị N vắng mặt có lý do; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30-01-2023, bản tự khai ngày 13-02-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn ngày 20-01-2016 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T ở xã B, huyện Trực Ninh được một thời gian ngắn, sau đó

chuyển về xã G sống cùng với bố mẹ chị N. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn dẫn đến công nợ nhiều ảnh hưởng đến kinh tế vợ chồng. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2021và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm trách nhiệm với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Minh C, sinh ngày 04-9-2017 và Hoàng Minh D, sinh ngày 10-02-2019. Hiện nay các con đang sống cùng chị N và ông bà ngoại. Nay ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho anh T nhận các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng chứ do chị N xuất trình như: Thông báo thụ lý vụ án số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N và bản sao các tài liệu, chứng cứ chị N nộp cho Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn T đã được tống đạt văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 20-01-2016. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm cuối năm 2021 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị N khai mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T xuất phát từ việc anh vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh T cũng không còn nguyện vọng, mong muốn tiếp tục chung sống với chị N, vợ chồng sống ly thân. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Minh C, sinh ngày 04-9-2017 và Hoàng Minh D, sinh ngày 10-02-2019. Hiện nay hai con đang sống cùng chị N và bố mẹ chị N. Do đó, khi ly hôn, chị N đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của chị N hiện nay thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con chung sống cùng chị N và gia đình nhà ngoại ở xóm Đ, xã G, anh T thường đi làm xa không trực tiếp chăm sóc các con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết được yêu cầu của chị N đề nghị nhận nuôi hai con chung, tuy nhiên anh T không có ý kiến gì. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi dưỡng các con chung của chị N, giao cháu Hoàng Minh C và Hoàng Minh D cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh T cấp dưỡng nuôi hai con cho chị N (do chị N không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh C, sinh ngày 04-9-2017 và Hoàng Minh D cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con thành niên. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi hai con cho chị N, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006486 ngày 13-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Đê Nguyễn Văn Hóa

Nguyễn Thị Hằng